

**AN NINH KINH TẾ:
TỪ CÁCH TIẾP CẬN VĨ MÔ ĐẾN TIẾP CẬN VI MÔ**

ĐÀO THỊ MINH HƯƠNG*

Từ khóa: an ninh kinh tế, vĩ mô, trung mô, vi mô, cá nhân.

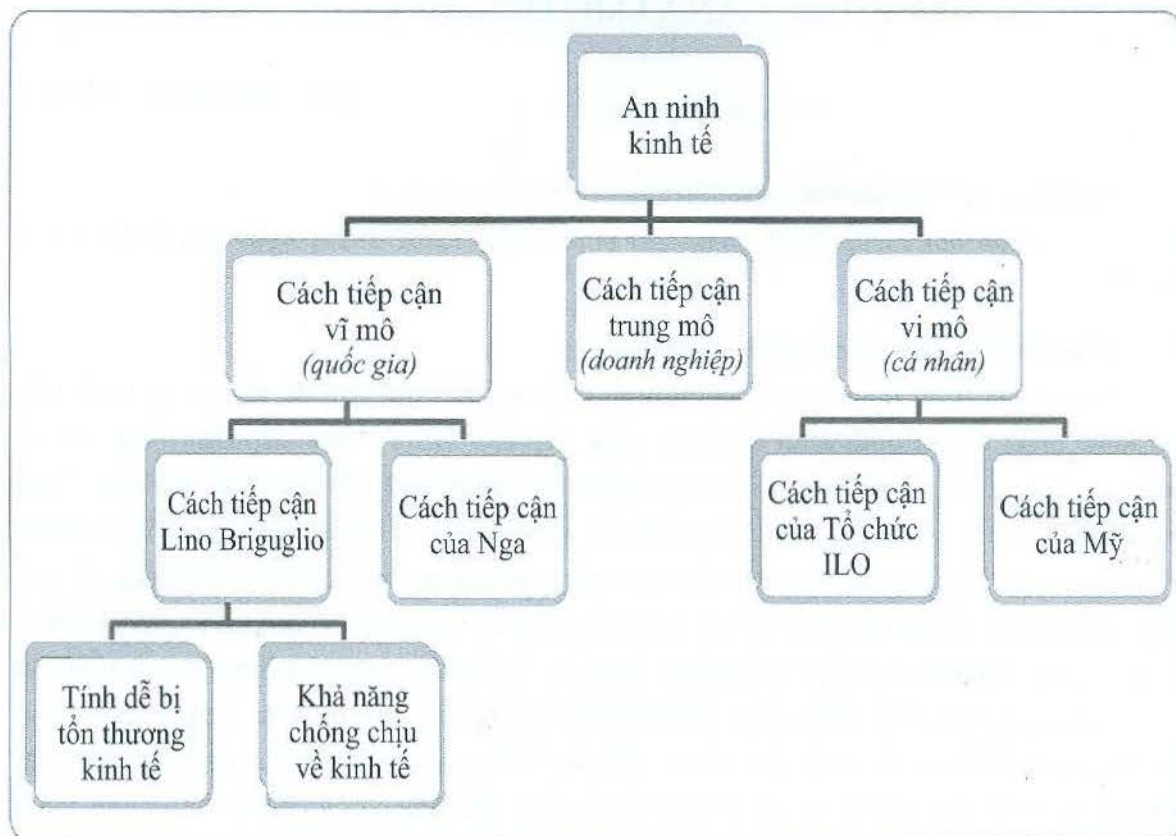
Ngày nhận bài: 11/02/2022; ngày gửi phản biện: 12/02/2022; ngày duyệt đăng bài: 06/5/2022.

1. Cách tiếp cận tới an ninh kinh tế

Trong quá trình nghiên cứu về an ninh kinh tế, trên thế giới đã tồn tại ba cách tiếp cận khác nhau tới an ninh kinh tế, đó là cách tiếp cận vĩ mô, cách tiếp cận trung mô và cách tiếp cận vi mô. Theo học giả Tamošiūnienė và Munteanu (2015), cách tiếp cận vĩ mô tới an ninh kinh tế sẽ chỉ tập trung phân tích an ninh kinh tế ở cấp độ quốc gia (hoặc có thể là cả cấp vùng, hay toàn cầu); cách tiếp cận trung mô tới an ninh kinh tế chỉ đề cập tới cấp độ doanh nghiệp (hoặc có thể là ngành kinh tế); còn cách tiếp cận vi mô tới an ninh kinh tế lại tập trung chủ yếu vào cấp độ cá nhân (hoặc có thể là hộ gia đình). Trong cách tiếp cận vĩ mô tới an ninh kinh tế, nước Nga sử dụng các bộ chỉ báo kinh tế vĩ mô (các ngưỡng bảo đảm an ninh kinh tế) để đánh giá về an ninh kinh tế của nền kinh tế ở cấp độ quốc gia. Trong cách tiếp cận vĩ mô tới an ninh kinh tế, học giả Senciagov (2002) cũng cho rằng: “Bản chất của an ninh kinh tế có thể được hiểu là một trạng thái khi các tổ chức nhà nước đảm bảo về sự an toàn của lợi ích quốc gia, sự phát triển của nhà nước định hướng xã hội và sự đầy đủ của tiềm lực quân sự”. Mặt khác, trong cách tiếp cận vi mô tới an ninh kinh tế, học giả Rupert (2007) đã định nghĩa an ninh kinh tế cá nhân như là “bảo đảm thu nhập và các nguồn khác ổn định để duy trì mức sống hiện tại và trong tương lai, điều đó có nghĩa là: khả năng thanh toán liên tục, dòng tiền thu nhập có thể dự đoán được và sử dụng vốn con người hiệu quả”. Một trong những đại diện tiêu biểu trong cách tiếp cận vi mô tới an ninh kinh tế là cách tiếp cận của Tổ chức Lao động thế giới (ILO) tới an ninh kinh tế cá nhân. Cụ thể, trong Báo cáo toàn cầu về “An ninh kinh tế vì một thế giới tốt hơn”, ILO (2004) đã áp dụng cách tiếp cận vi mô tới an ninh kinh tế cá nhân để tiến hành khảo sát 90 nước trên thế giới (đại diện cho 85% tổng dân số trên toàn thế giới) về an ninh kinh tế. Ngoài ra, quan điểm của trường phái European về an ninh kinh tế lại là sự kết hợp của cả cách tiếp cận vĩ mô với cách tiếp cận vi mô và một trong những điển hình thành công nhất là trường hợp mô hình nền kinh tế định hướng xã hội của Thụy Điển trong vấn đề bảo đảm an ninh kinh tế.

* TS.; Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Hình 1: Phân loại cấp độ an ninh kinh tế và định vị an ninh kinh tế cá nhân

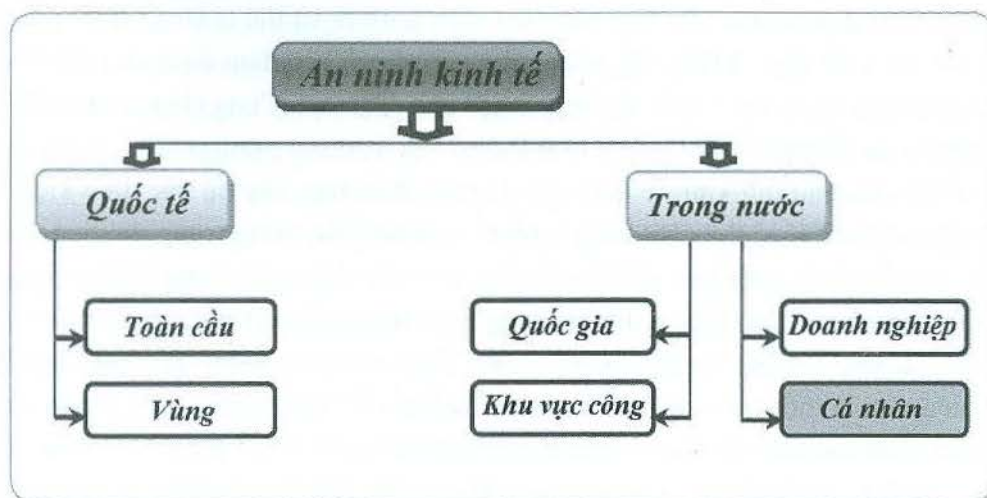


Nguồn: Tamošiūnienė và Munteanu, 2015.

Phân loại cấp độ về an ninh kinh tế

An ninh kinh tế nên được phân loại thành các cấp độ khác nhau để không chỉ giúp hiểu rõ hơn nội hàm và các nhân tố cấu thành của từng loại an ninh kinh tế mà quan trọng hơn còn có thể giúp đưa ra những giải pháp phù hợp và hữu ích cho từng loại đối tượng nghiên cứu trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Theo học giả Glaser (1997), an ninh kinh tế được phân thành hai cấp độ lớn, đó là an ninh kinh tế quốc tế và an ninh kinh tế trong nước. Tiếp đó, an ninh kinh tế trong nước lại được chia thành 4 cấp độ nhỏ hơn, đó là an ninh kinh tế quốc gia, an ninh kinh tế khu vực công, an ninh kinh tế doanh nghiệp và an ninh kinh tế cá nhân (Hình 2). Cùng chia sẻ quan điểm phân loại này, học giả Babachinaitė (2006) đã chia an ninh kinh tế thành ba cấp độ lớn, đó là an ninh kinh tế quốc tế, an ninh kinh tế quốc gia và an ninh kinh tế cá nhân. Sau đó, hai học giả Grebliauskas và Miliauskas (2008) cũng đã phân chia an ninh kinh tế trong nước thành 3 cấp độ nghiên cứu, đó là an ninh kinh tế quốc gia (hay còn gọi là an ninh kinh tế nhà nước), an ninh kinh tế doanh nghiệp và an ninh kinh tế cá nhân. Quan điểm chia an ninh kinh tế trong nước thành ba cấp độ này đã nhận được sự ủng hộ của các học giả như Osberg và Sharpe (2009) cũng như Rehm và các cộng sự (2012).

Hình 2: Phân loại cấp độ an ninh kinh tế theo khu vực và định vị an ninh kinh tế cá nhân



Nguồn: Glaser, C., 1997.

2. An ninh kinh tế quốc gia và an ninh kinh tế cá nhân

2.1. An ninh kinh tế (cấp độ) quốc gia và các chỉ báo đo lường

Nội hàm của khái niệm an ninh kinh tế quốc gia được đánh giá là có sự khác biệt đáng kể so với an ninh kinh tế cá nhân. Một mặt, khái niệm an ninh kinh tế quốc gia theo nghĩa rộng đã được trình bày khái quát trong công trình nghiên cứu khoa học của tác giả Jones (2001). Theo đó, nội hàm cơ bản của an ninh kinh tế quốc gia bao gồm ba khía cạnh chủ yếu sau: (i) Quốc gia cần duy trì một nền tảng kinh tế đủ mạnh để có thể hỗ trợ kịp thời cho các yêu cầu phát triển kinh tế bền vững cũng như bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng; (ii) Quốc gia cần xây dựng đủ tiềm lực kinh tế để bảo vệ công dân khỏi các cú sốc kinh tế quốc tế và đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng tới các nguồn lực xã hội khan hiếm; (iii) Quốc gia cần bảo đảm mức sống cơ bản và việc làm đầy đủ cho công dân nước mình. Mặt khác, khái niệm an ninh kinh tế quốc gia theo nghĩa thu hẹp hơn cũng được đề cập chi tiết bởi học giả Afontsev (2001), theo đó an ninh kinh tế quốc gia được hiểu như là: “Sự kết hợp của các điều kiện và các yếu tố nhằm đảm bảo cho sự độc lập, sự ổn định và sự bền vững của nền kinh tế cũng như khả năng cập nhật và cải thiện liên tục”. Tiếp đó, học giả Geyec và các cộng sự của mình (2006) lại mở rộng hơn nội hàm về an ninh kinh tế quốc gia theo nghĩa như là một trạng thái sẵn sàng của nền kinh tế nhằm đảm bảo thực hiện và bảo vệ được lợi ích quốc gia, phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội và tiềm lực quốc phòng đầy đủ của đất nước, thậm chí ngay cả khi quá trình môi trường bên trong và môi trường bên ngoài trở nên không thuận lợi. Còn theo học giả Huber và các đồng nghiệp (2010), khái niệm an ninh kinh tế quốc gia có thể được hiểu như là “một trạng thái chuẩn bị sẵn sàng của nền kinh tế để đảm bảo các điều kiện tốt phục vụ cuộc sống và phát triển nhân cách, cũng như sự ổn định kinh tế - xã hội và khả năng quân sự - chính trị của đất nước nhằm loại bỏ các mối đe dọa bên trong và bên ngoài”. Thay vì chỉ đề cập chung tới một

trạng thái sẵn sàng của nền kinh tế, hai học giả Valeriu và Diamescu (2010) lại nhấn mạnh hơn tới khía cạnh duy trì một tập hợp các điều kiện kinh tế và thể chế cần thiết nhằm cung cấp một cuộc sống tốt đẹp và thúc đẩy phát triển con người, bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội cũng như tiềm năng quân sự - chính trị vững mạnh của đất nước. Cùng chia sẻ quan điểm này, học giả Osberg và Sharpe (2009) cũng như Rehm và các đồng nghiệp (2012) đều cho rằng mục tiêu chính của an ninh kinh tế quốc gia là phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện kinh tế cơ bản để cho đất nước có thể phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong dài hạn. Gần đây, quan điểm ủng hộ khía cạnh bảo vệ lợi ích sống còn của đất nước trong khái niệm an ninh kinh tế quốc gia cũng được khẳng định rõ ràng hơn trong công trình nghiên cứu khoa học của học giả Cormac (2014) và Holikov (2014). Theo họ, khái niệm an ninh kinh tế quốc gia được hiểu như là một tập hợp các điều kiện kinh tế cần thiết nhằm bảo vệ cho được nền kinh tế tránh khỏi các mối đe dọa từ bên trong và bên ngoài. Theo đó, các chỉ báo đại diện cho an ninh kinh tế quốc gia thường bao gồm: (i) tốc độ tăng trưởng kinh tế, (ii) mức GDP bình quân đầu người, (iii) tỉ lệ dự trữ ngoại hối quốc gia, (iv) tỉ lệ lạm phát, (v) tỉ lệ thất nghiệp, (vi) tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài, (vii) cán cân thương mại hàng hóa và dịch vụ, (viii) tỉ lệ nợ nước ngoài, (ix) tỉ lệ nghèo.

2.2. An ninh kinh tế (cấp độ) cá nhân và các chỉ báo đo lường

Lí luận về an ninh con người đã hình thành và phát triển liên tục trong hai thập niên qua. Lí luận này là sự bổ sung quan trọng cho lí luận về phát triển con người theo hướng chú trọng đến các giá trị cốt lõi của con người, nhân tố thách thức, đe dọa sự sống còn của con người cũng như cản trở sự phát triển bền vững của con người. Cũng trong thời gian này, các phương pháp tính toán chỉ số an ninh con người lần đầu tiên đã đánh giá, phân loại các quốc gia, vùng miền lãnh thổ, theo mức độ bảo đảm an ninh con người, làm cơ sở cho việc phân bổ các nguồn lực, xây dựng các chính sách bảo đảm an ninh con người hiệu quả.

An ninh kinh tế như chiều cạnh của an ninh con người “Economic security” được định nghĩa trong Báo cáo Phát triển con người năm 1994 là: “An ninh kinh tế đòi hỏi một khoản thu nhập cơ bản thường xuyên đảm bảo cho các cá nhân, thông thường là từ việc làm có năng suất và có thù lao, hoặc như một phương sách cuối cùng, đó là từ một mạng lưới an sinh xã hội được tài trợ công khai” (UNDP, 1994, tr. 25). Theo khái niệm này thì an ninh kinh tế (là một chiều cạnh của an ninh con người) thường được hiểu là việc duy trì bảo đảm cho cá nhân có được mức thu nhập ổn định trước các mối đe dọa chính, ví dụ như tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp, đói nghèo, ốm đau, bệnh tật, tuổi già, v.v.. Trong bối cảnh già hóa dân số tăng nhanh, bệnh tật không lây nhiễm gia tăng, thảm họa môi trường, thảm họa dịch bệnh tác động trên quy mô rộng, số lượng việc làm tăng chậm hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế và không theo kịp tốc độ tăng trưởng của lực lượng lao động, thì an ninh kinh tế ở cấp độ cá nhân trở thành vấn đề không chỉ ở các nước nghèo, nước đang phát triển mà ở cả các nước đã phát triển. Hiện tại chỉ có khoảng một phần tư dân số thế giới có thể an toàn về mặt kinh tế theo nghĩa này. Không chỉ ở những quốc gia nghèo, mà nhiều người dân ở các quốc gia giàu có ngày nay cũng cảm thấy không an toàn về mặt kinh tế

vì việc làm ngày càng khó tìm và khó giữ. Cần phải nhấn mạnh rằng, nếu tình trạng thất nghiệp lan rộng và kéo dài thì nó không chỉ góp phần gây ra mất an ninh kinh tế mà nguy hại hơn là tạo nên các nguyên nhân tiềm ẩn gây rối loạn trật tự xã hội như căng thẳng chính trị, bạo lực và xung đột sắc tộc, v.v.. Vì vậy, bên cạnh việc xây dựng bộ chỉ số an ninh kinh tế vĩ mô (cấp quốc gia và khu vực) và bộ chỉ số an ninh kinh tế trung mô (cấp doanh nghiệp) thì việc xây dựng bộ chỉ số an ninh kinh tế ở cấp độ cá nhân cũng đã được các học giả quan tâm. Chỉ số này không chỉ giúp hiểu rõ hơn thực trạng tình trạng an ninh kinh tế cấp vĩ mô, mà cả ở cấp độ cá nhân và quan trọng hơn là nó giúp phân tích được các nguyên nhân gốc rễ, những rủi ro và nguy cơ mang tính chủ quan nhằm chỉ ra các hướng giải pháp phù hợp nhất cho mục tiêu bảo đảm an ninh kinh tế như một chiều cạnh an ninh con người một cách bền vững trong tương lai.

An ninh kinh tế từ quan điểm an ninh con người được hiểu theo nghĩa hẹp hơn so với cách hiểu an ninh kinh tế trong kinh tế học - không trực tiếp hướng tới việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hay tăng cường sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ, cũng không bàn các vấn đề tài chính, thuế, lãi suất, tỉ giá, v.v. mà hướng vào việc bảo đảm mức thu nhập cơ bản, thường xuyên của con người và các phương án phòng hộ trong trường hợp có cú sốc về kinh tế.

Học giả Buzan (1991) cho rằng khái niệm an ninh kinh tế cá nhân có liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm quyền tiếp cận đầy đủ của người dân tới các nguồn lực trong xã hội và các loại thị trường cần thiết (bao gồm thị trường hàng hóa - dịch vụ và thị trường các nhân tố sản xuất, đặc biệt là thị trường khoa học công nghệ) nhằm hỗ trợ họ đạt mức thu nhập ở ngưỡng có thể chấp nhận được trong dài hạn. Cùng chia sẻ quan điểm này, học giả Buttedahl (1994) cho rằng an ninh kinh tế cấp độ cá nhân được hiểu là tiếp cận việc làm và các nguồn lực cần thiết để duy trì sự tồn tại của mỗi người, với các biện pháp thích hợp được thực hiện để giảm bớt sự phân phối không đồng đều và khan hiếm giả tạo, cho phép cải thiện chất lượng về khía cạnh vật chất của cuộc sống cộng đồng. Tiếp đó, trong Báo cáo Phát triển con người năm 1994 của Liên hợp quốc (UNDP, 1994), khái niệm an ninh kinh tế nhìn từ góc độ an ninh con người đã được phác họa chi tiết theo hướng con người cần được bảo đảm để tránh xảy ra tình trạng thất nghiệp, mất an ninh việc làm, bất bình đẳng thu nhập, lạm phát cao, an sinh xã hội kém phát triển và vô gia cư. Sau đó, quan điểm này cũng nhận được sự ủng hộ của nhiều học giả và điển hình trong số đó là Nef (1999), theo đó, an ninh kinh tế ở cấp độ cá nhân được hiểu là tiếp cận việc làm và các nguồn lực cần thiết để duy trì sự tồn tại của một người, làm giảm sự khan hiếm và cải thiện chất lượng cuộc sống trong cộng đồng. Tuy nhiên, phải đến khi ILO (2004) xuất bản Báo cáo “An ninh kinh tế vì một thế giới tốt hơn” thì khái niệm an ninh kinh tế cá nhân mới trở nên rõ ràng và toàn diện theo hướng “An ninh kinh tế bao gồm an sinh xã hội cơ bản, được xác định bằng cách tiếp cận cơ sở hạ tầng nhu cầu cơ bản liên quan đến y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin và bảo vệ xã hội, cũng như an ninh liên quan đến công việc”. Theo cách diễn giải của ILO, an ninh kinh tế cơ bản được hiểu là hạn chế tác động của sự không chắc chắn và

rủi ro mà mọi người phải đối mặt hàng ngày trong khi vẫn bảo đảm cung cấp một môi trường xã hội thân thiện, nơi mọi người có thể thuộc về một cộng đồng và có cơ hội công bằng để theo đuổi nghề nghiệp đã chọn và phát triển toàn diện năng lực của họ thông qua công việc/việc làm có năng suất.

Có thể nói phần lớn các nghiên cứu quan trọng về an ninh kinh tế từ góc độ cá nhân đều áp dụng định nghĩa mang tính phổ biến về an ninh kinh tế theo nghĩa là mức độ mà các cá nhân được bảo đảm trước những thiệt hại về kinh tế. Theo các tác giả, mất an ninh kinh tế từ cấp độ cá nhân xuất phát từ ba nguồn cơ bản. Đầu tiên là “ác cảm mất mát”, tức là các cá nhân có chiều hướng trở nên nhạy cảm hơn đối với việc giảm thay vì việc tăng vị thế kinh tế của mình (Fellner và Sutter, 2009). Thứ hai, con người gặp khó khăn khi đánh giá các phương án dự phòng kinh tế có liên quan, khiến họ càng khó khăn hơn trong việc đưa ra nhận định hợp lý và bảo vệ chính mình chống lại những rủi ro nghiêm trọng nhất mà họ có thể đối mặt (Quartz, 2009; Sunstein, 2002). Thứ ba là mức độ thiếu hiệu quả của mạng lưới bảo hiểm, an sinh xã hội, cứu trợ xã hội trong các tình huống rủi ro, bất trắc xảy ra (Ligon và Schechter, 2003; Bénabu và Ok, 2001).

Các nghiên cứu về rủi ro đe dọa an ninh kinh tế cấp độ cá nhân tập trung vào làm rõ rủi ro đe dọa an ninh kinh tế chủ yếu dựa trên cách tiếp cận “nguy cơ” (Osberg và Sharpe, 2005) để đánh giá các rủi ro kinh tế đối với các hộ gia đình. Thất nghiệp, ốm đau, tàn tật, góa phụ và tuổi già được xác định là những mối nguy hiểm an ninh kinh tế ở cấp độ cá nhân và được đo lường bằng:

- Xác suất thất nghiệp và quy mô tổn thất tài chính mà nó có thể tạo ra, như được chỉ ra bởi tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thu nhập trung bình được thay thế bằng trợ cấp thất nghiệp (OECD, 2014, tr. 94 - 103).

- Rủi ro tài chính do bệnh tật gây ra, trong các so sánh quốc tế bị chi phối bởi bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Điều này được ước tính bằng tỉ lệ phần trăm của hộ gia đình dùng ít nhất một lần kinh phí để chi cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe mà không được hoàn trả bởi bảo hiểm y tế.

- Nguy cơ trở nên nghèo do tan vỡ gia đình - nghĩa là xác suất li hôn nhiều lần. Tỉ lệ nghèo trong các gia đình mẹ là nữ độc thân cao gấp đôi tỉ lệ nghèo trung bình gia đình cha đơn thân.

- Cường độ nghèo (= tỉ lệ nghèo * tỉ lệ nghèo trung bình) của các hộ gia đình mà chủ hộ là một người từ 65 tuổi trở lên (Osberg và Sharpe, 2012).

Từ cách tiếp cận khác, Hacker và các cộng sự (2012) đã xây dựng phương pháp đo lường khá toàn diện về chỉ số an ninh kinh tế (ESI) trong công trình “Chỉ số an ninh kinh tế: Cách đo lường mới trong nghiên cứu và phân tích chính sách” của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) dựa trên việc đo lường sự biến động các nguồn lực của hộ gia đình, bao gồm cả thu nhập, chi phí y tế ngoài dự kiến, các tài sản tài chính đóng vai trò tấm đệm chống sốc khi mất việc làm. Ông và các đồng nghiệp đã sử dụng chỉ số an ninh kinh tế (ESI) để đo lường tỉ lệ cá nhân người Mỹ bị mất ít nhất 25 phần trăm thu nhập sẵn có trong các hộ gia đình của họ mà nguyên nhân chủ yếu có thể bắt nguồn từ thay đổi thu nhập hoặc

do thay đổi hoạt động chỉ tiêu y tế tự chi trả, cũng như những cá nhân này lại thiếu một lượng tài sản tài chính có tính thanh khoản để bù đắp hoàn toàn cho những tổn thất đó trong ít nhất là 1 năm. Điều này cũng có nghĩa rằng các học giả đã sử dụng cách tiếp cận vi mô tới an ninh kinh tế cá nhân trong các hộ gia đình ở Mi nhằm phản ánh không chỉ bức tranh tổng thể về tình trạng an ninh kinh tế cá nhân theo thời gian mà còn góp phần so sánh nguy cơ không an toàn kinh tế giữa các nhóm người Mi phân theo độ tuổi. Kết quả đo lường chỉ số an ninh kinh tế cá nhân (ESI) của Mi đã chỉ ra rằng, tình trạng an ninh kinh tế có xu hướng giảm xuống ở nhóm những người Mi trẻ tuổi, hay nhóm người Mi ở dân tộc thiểu số hoặc nhóm người Mi không có bằng đại học đang làm chủ hộ gia đình công nhân trong xã hội (Hacker và các cộng sự, 2012).

Cách tiếp cận của ILO về An ninh kinh tế cá nhân dựa trên thước đo về an sinh xã hội và an ninh việc làm bao gồm bảy chiều cạnh, trong đó quan trọng nhất là chiều cạnh an ninh thu nhập và chiều cạnh an ninh tiếng nói đại diện pháp lý và năm chiều cạnh còn lại là an ninh thị trường lao động, an ninh việc làm chống lại sự sa thải bất công và tùy tiện, an ninh công việc chống lại sự thu hẹp kỹ năng nghề nghiệp, an ninh điều kiện làm việc chống lại tai nạn nghề nghiệp, an ninh tái sản xuất kỹ năng lao động mới. Khía cạnh việc làm thường được đo lường thông qua tỉ lệ thất nghiệp. Tuy nhiên, từ góc độ an ninh con người, ngay cả người có việc làm không đồng nghĩa với sự đảm bảo an ninh kinh tế. Cần phải tính đến cả mức độ phù hợp của công việc với trình độ và kỹ năng được đào tạo, mức độ ổn định của công việc, mức độ an toàn của công việc, sự cạnh tranh trong công việc hay môi trường việc làm thân thiện, v.v.. Điều này cho thấy tính bao trùm, nhiều mặt của vấn đề an ninh kinh tế từ góc độ an ninh con người. Tiếp đó, Tsereteli (2008), với cách tiếp cận tương tự, cũng đã chỉ ra rằng khái niệm an ninh kinh tế cá nhân đề cập đến an ninh kinh tế trong dài hạn của việc cá nhân được tiếp cận đầy đủ các cơ hội kinh tế trong thị trường và các tài nguyên như con người (vốn nhân lực), vốn vật chất, năng lượng, nước, công nghệ và giáo dục đào tạo.

Kết luận

Nghiên cứu an ninh kinh tế: từ cách tiếp cận vĩ mô đến vi mô chúng ta thấy:

a) Tồn tại ba cách tiếp cận khác nhau tới an ninh kinh tế trên thế giới, đó là cách tiếp cận vĩ mô, cách tiếp cận trung mô và cách tiếp cận vi mô. Trong đó, cách tiếp cận vĩ mô tới an ninh kinh tế sẽ chỉ tập trung phân tích an ninh kinh tế ở cấp độ quốc gia (hoặc có thể là cả cấp vùng, hay toàn cầu); cách tiếp cận trung mô tới an ninh kinh tế chỉ đề cập tới cấp độ doanh nghiệp (hoặc có thể là ngành kinh tế); còn cách tiếp cận vi mô tới an ninh kinh tế lại tập trung chủ yếu vào cấp độ cá nhân (hoặc có thể là hộ gia đình).

b) An ninh kinh tế từ cách tiếp cận vĩ mô có thể được hiểu là một trạng thái khi các tổ chức nhà nước đảm bảo: (i) duy trì một nền tảng kinh tế đủ mạnh để có thể hỗ trợ kịp thời cho các yêu cầu phát triển kinh tế bền vững cũng như bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng; (ii) xây dựng đủ tiềm lực kinh tế để bảo vệ công dân khỏi các cú sốc kinh tế quốc tế và đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng tới các nguồn lực xã hội khan hiếm; (iii) mức sống cơ bản và việc làm đầy đủ cho công dân nước mình.

c) An ninh kinh tế từ cách tiếp cận vi mô hay an ninh kinh tế cá nhân như chiều cạnh an ninh con người không trực tiếp hướng tới việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hay tăng cường sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ, cũng không bàn các vấn đề tài chính, thuế, lãi suất, tỉ giá, v.v. mà hướng vào việc bảo đảm mức thu nhập cơ bản, thường xuyên của con người và phương án phòng hộ trong trường hợp có cú sốc về kinh tế từ nguy cơ bệnh tật, tuổi già, thất nghiệp, tàn tật, v.v.

d) Các chỉ báo đại diện cho an ninh kinh tế quốc gia thường bao gồm: (i) tốc độ tăng trưởng kinh tế, (ii) mức GDP bình quân đầu người, (iii) tỉ lệ dự trữ ngoại hối quốc gia, (iv) tỉ lệ lạm phát, (v) tỉ lệ thất nghiệp, (vi) tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài, (vii) cán cân thương mại hàng hóa và dịch vụ, (viii) tỉ lệ nợ nước ngoài, (ix) tỉ lệ nghèo.

e) Các chỉ báo đo lường an ninh kinh tế ở cấp độ cá nhân thường được đo theo ba nhóm chỉ báo khác nhau: (i) nguy cơ gây rủi ro mất an ninh kinh tế, (ii) mức độ các cá nhân được bảo vệ chống lại thiệt hại kinh tế, (iii) đo lường đảm bảo thu nhập thông qua an sinh xã hội và an ninh việc làm.

f) Việc lượng hóa nhằm có những công cụ hiệu quả đánh giá an ninh con người nói chung và an ninh kinh tế nhìn từ góc độ an ninh con người đang có nhiều phương pháp khác nhau và vẫn đang trong quá trình kiểm định, hoàn thiện. Dù vậy, dựa trên các đánh giá kinh nghiệm quốc tế trong lượng hóa chỉ số an ninh con người, có thể thấy rằng với các khu vực khác nhau, việc dùng chung định nghĩa về an ninh con người của Liên hợp quốc hay phát triển khái niệm riêng có ảnh hưởng lớn đến việc lựa chọn các thành tố lượng hóa an ninh con người. Ngay cả khi các quốc gia sử dụng các khái niệm của Liên hợp quốc thì việc lựa chọn các bộ phận trong bảy nhân tố cũng có sự khác biệt theo bối cảnh của mỗi quốc gia. Chính vì vậy, việc lựa chọn các thành tố phù hợp trong việc lượng hóa an ninh con người nói chung hay an ninh kinh tế từ góc độ an ninh con người cho Việt Nam cũng cần được vận dụng linh hoạt có xem xét tới bối cảnh chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội cụ thể của Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Abalkin, L.I. 1994. "Economic Security of Russia: Threats and Their Elimination". *Voprosi ekonomiki*, Vol. 12, pp. 4 - 13.
2. Afontsev, S.A. 2001. "Discussion Problems of the Concept of National Economic Security". *Russia XXI*, Vol. 2, p. 38 - 67.
3. Babachinaitė, G. 2006. "Fear of security and fear of crime development in Lithuania". *Jurisprudence*, Vol. 1, No. 79, p. 25 - 30.
4. Bénabou, R., and Ok, E. 2001. "Social Mobility and the Demand for Redistribution: The POUM Hypothesis". *Quarterly Journal of Economics*, Vol. 119.
5. Bilgin, P. 2003. "Individual and Societal dimensions of security". *International Studies Review*, Vol. 5, No. 2, p. 203 - 222.
6. Buttedahl, P. 1994. "Viewpoint: True Measures of Human Security". *IRDC Reports*. International Development Research Centre, Canada, Vol. 22, No. 3, pp. 1 - 5.
7. Buzan, B. 1991. *People, States, and Fear - The National Security Problem in International Relations*, London: Wheatsheaf Books Ltd.

8. Buzan, B. 1991. *People, states, and fear: An agenda for international security studies in the post-cold war era*. Boulder, CO, L. Rienne.
9. Cable, V. 1995. "What is international economic security?". *International Affairs*, Vol. 71, No. 2, pp. 305 - 324.
10. Cormac, R. 2014. "Secret Intelligence and Economic Security: The Exploitation of a Critical Asset in an Increasingly Prominent Sphere". *Intelligence and National Security*, Vol. 29, No. 1, p. 99 - 121.
11. Fellner, G. and Sutter, M. 2009. "Causes, Consequences, and Cures of Myopic Loss Aversion: An Experimentatall Investigation". *The Economic Journal*, Vol. 119(537).
12. Gerontology Institute. 2012. "The National Economic Security Standard Index". *Gerontology Institute Publications*. University of Massachusetts Boston.
13. Geyec, V. M., Kizim, M. O., Klebanova, T. S., and Chernyak O. I. 2006. *Modeling of economic security: State, Region, Enterprise*. Monografiya.
14. Geyec, V. M., Kizim, M. O., Klebanova, T. S., Chernyak O. 2006. "The modeling of economic security: power, region, enterprise". *Monograph (Monografiya)*, Vol. 240, Kharkov: PH "INZHEK".
15. Glaser, C. 1997. "The Security Dilemma Revisited". *World Politics*, Vol. 50, No. 1, p. 171 - 201.
16. Grebliauskas A., and Miliauskas G. 2008. "Macro Strategy formation on State Management". *Organizational Management: Systematic Research*, Vol. 47.
17. Hacker, J., Huber, G., Rehm, P., Schlesinger, M., Valletta, R. and Craig, S. 2012. "The Economic Security Index: a new measure for research and policy analysis". *Federal Reserve Bank of San Francisco Working Paper Series*, 21.
18. Holikov, I. 2014. "Principles of Economic Security". *Economic Annals - XXI*, Vol. 9 - 10, No. 2, p. 8 - 11.
19. Huber, G., Nichols, A., Rehm, P., and Craig, S. 2011. "The Technical Appendix for the Economic Insecurity and the Great Recession", (<http://www.economicsecurityindex.org>).
20. Huber, G., Rehm, P., Schlesinger, M., and Valletta, R. 2010. *Economic Security at Risk: Findings from the Economic Security Index*.
21. Huber, G., Rehm, P., Schlesinger, M., and Valletta, R. 2010. "Economic Security at Risk: Findings from the Economic Security Index", (<http://www.economicsecurityindex.org>).
22. ILO - International Labour Office. 2004. *Economic Security for a Better World*. ILO Socio-Economic Security Programme, Geneva, International Labour Office.
23. Jones, C. 2001. *Introduction to Economic Growth*. Second Edition. W.W. Norton. New York - London.
24. Ligon, E., and L. Schechter. 2003. "Measuring Vulnerability". *Economic Journal*, Vol. 113(486).
25. Nef, J. 1999. *Human Security and Mutual Vulnerability: The Global Political Economy of Development and Underdevelopment*. International Research Development Centre, Canada.
26. Organization for Economic Cooperation and Development - OECD. 2014. *OECD Employment Outlook 2014*. Paris: OECD Publishing.

27. Osberg, L. 2015. "How Should One Measuring Economic Insecurity? STD/Doc (2015)". *Working Paper*, No. 59.
28. Osberg, L., and A. Sharpe. 2005. "How Should We Measure The 'Economic' Aspects of WellBeing?". *Review of Income and Wealth*, Vol. 51(2).
29. Osberg, L., and Sharpe, A. 2009. "New Estimates of the Index of Economic Well-being for Canada and the Provinces, 1981-2008". *Centre for the Study of Living Standards Research Report 2009 - 2010*.
30. Osberg, L., and Sharpe, A. 2012. "Measuring economic insecurity in rich and poor nations". *CSLS Research Reports 2012 - 03*. Centre for the Study of Living Standards.
31. Osberg, L., and Sharpe, A. 2014. "Measuring Economic Insecurity in Rich and Poor Nations. *Review of Income and Wealth Series 60*, Supplement Issue, May 2014 DOI: 10.1111/roiw. 12114.
32. Quartz, S. 2009. "Reason, Emotion and Decision-Making: Risk and Reward Computation with Feeling". *Trends in Cognitive Sciences*, Vol. 13(5).
33. Rehm, P., Jacob, S.H., and Schlesinger, M. 2012. "Insecure Alliances: Risk, Inequality, and Support for the Welfare State". *American Political Science Review*, Vol. 106, No. 2, p. 386 - 406.
34. Rupert, M. 2007. "Marxism and Critical Theory". In: Dunne, T., Kurki, M., Smith, S. (eds.) *International Relations Theory: Discipline and Diversity*. Oxford: Oxford University Press.
35. Senciagov, V. 2002. *Economic security, geopolitics, globalization, self-preservation and development*. Moscow: Finstatinform.
36. Sunstein, C. 2002. "Probability Neglect: Emotions, Worst Cases and the Law". *Yale Law Journal*, Vol. 112(1).
37. Tamošiūnienė, R., and Munteanu, C. 2015. "Modern Approaches in Quantifying Economic Security: Case Study of Estonia, Latvia, Lithuania and Republic of Moldova". *Journal of Security and Sustainability Issues*, Vol. 4(4).
38. Tsereteli, M. 2008. "Economic and Energy Security: Connecting Europe and the Black Sea-Caspian Region". *Central Asia-Caucasus Institute and Silk Road Studies Program*. Singapore.
39. UNDP. 1994. *Human Development Report 1994: New Dimensions of Human Security*. New York: Oxford University Press.
40. Valeriu, I. F., and Diamescu, M. A. 2010. "Some Opinions on the Relation between Security Economy and Economic Security". *The National Institute for Economic Research*. The Romanian Academy, Bucharest, Romania.